TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN MỸ** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44 /2019/HS-ST
Ngày 08 tháng 08 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MỸ, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nhiên
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Lê Xuân Thuật;
Ông Vũ Minh Đón.
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Thuận - *Thư ký TAND huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên*
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thơ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2019/TLST - HS ngày 21 tháng 6 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2019/ HSST - QĐ ngày 27/7/2019 đối với bị cáo:

Lê Duy K, sinh năm: 1986; HKTT và nơi cư trú : thôn Th, xã T, huyện V, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Duy Đ và bà Đào Thị H; có vợ Nguyễn Thị T (đã ly hôn năm 2016) và 02 con; tiền án, tiền sự: Chưa; bị bắt tạm giữ từ ngày 01/4/2019 đến ngày 10/4/2019 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. "Có mặt "

- *Người bị hại*: Anh Đỗ Ngọc P, sinh năm 1977; Trú tại: Thôn C, xã H, huyện Y, tỉnh H "Vắng mặt"

- *Những người làm chứng:* Anh Đỗ Xuân T, anh Ngô Văn C, anh Vũ Văn D

Những người làm chứng đều vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10h 00 phút ngày 01 tháng 4 năm 2019, K điều khiển xe mô tô hiệu Union, màu nâu, biển số 89F1 – 8058 đi một mình từ nhà đến khu vực xã H, huyện Y xem có ai sơ hở thì trộm cắp tài sản. Khi đến khu vực cánh đồng thôn C, xã H, huyện Y, thì K phát

hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream, biển số 89K3-0376 của anh Đỗ Ngọc P để ở bên đường đi vào cánh đồng Ải thuộc thôn C, xã H, huyện Y không có ai trông giữ. Sau khi phát hiện xe mô tô của anh P, K cất xe mô tô của mình vào lều hoang ở ven đường và đi bộ đến chỗ để xe của anh P, do xe anh P có phủ bạt để che các cây quất, bưởi giống trên xe nên K đã bỏ bạt, các cây giống xuống đất, trên xe chỉ còn giá chở hàng phía sau. K dắt xe về hướng đường 379 và lấy chìa khóa xe mô tô biển số 89F1 – 8058 cắm vào ổ điện xe mô tô của anh P thì mở được, K khởi động xe và điều khiển ra đường 379 đi được khoảng 500 m thì bị anh P cùng một số người dân hô hoán đuổi bắt, K bỏ xe vừa trộm cắp lại và chạy bộ thì bị quần chúng nhân dân cùng với lực lượng Công an bắt giữ.

Kiểm tra trên người K Công an thu giữ tại túi quần trước bên trái: 01 cờ lê kim loại màu sáng, một đầu 10mm và một đầu 08mm, 01 đoạn kim loại hình chữ L có một đầu đánh bẹt và một đầu hình lục giác dài khoảng 16cm và 01 cờ lê kim loại dài khoảng 15cm có một đầu hở 08 mm và một đầu kín tròn 08 mm, kiểm thu giữ tại túi quần phía sau bên trái thu giữ: 03 chìa khóa, trong đó có 01 chìa khóa xe mô tô và 02 chìa khóa bằng kim loại có kích thước khoảng 04cm. K thừa nhận cờ lê, đoạn kim loại, các chìa khóa mà K mang theo nhằm mục đích phá khóa xe mô tô lúc trộm cắp khi cần thiết. Đối với việc trộm cắp xe mô tô của anh P thì K chỉ mở bằng cách thông thường. Ngoài ra còn thu giữ 01 xe mô tô biển số 89F1 – 8058 là xe mô tô K sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp do K cất dấu trong lều gần đó và 01 xe mô tô biển số 89K3 - 0376 của anh P do K vừa trộm cắp được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 10 ngày 05/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y kết luận: chiếc xe mô tô trị giá 15.000.000 đồng và giá chở hàng bằng kim loại trị giá 180.000 đồng. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 15.180.000 đồng.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 89K3-0376, của anh P do K trộm cắp, đăng ký xe mang tên chị Đặng Thị Thu T là vợ anh P. Cơ quan điều tra xác định đó là tài sản chung của vợ chồng anh P nên ngày 10 tháng 4 năm 2019, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh P chiếc xe trên cùng giá để hàng, anh P nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì.

Đối với chiếc xe mô tô hiệu Union, màu nâu, biển số 89F1 – 8058 K dùng để đi trộm cắp tài sản, 01 chùm chìa khóa gồm 03 chìa khóa và 01 cờ lê kim loại dài 15cm, một đầu mỏ hở rộng 8mm, một đầu mỏ kín tròn đường kính 08mm, Cơ quan điều tra xác định chủ xe là ông Ngô Quang M, sinh năm 1974 ở xã T, huyện V, tuy nhiên vào năm 2003 ông M đã bán cho người khác đến nay không còn giấy tờ gì liên quan. Quá trình điều tra, K khai nhận đã mượn chiếc xe và các tài sản này của anh Chu Văn D, sinh năm 1993, ở thôn D, xã V, huyện VG, tuy nhiên hiện nay anh D không có mặt ở địa phương do đó chưa làm rõ được nguồn gốc xe mô tô và các tài sản trên mặt khác qua tra cứu xe máy vật chứng của Công an tỉnh H chiếc xe máy này không phải là vật chứng nên Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục làm rõ xử lý sau.

Cáo trạng số 40/CT - VKS - VKSYM ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ truy tố bị cáo Lê Duy K, về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Duy K phạm tội *"Trộm cắp tài sản"* Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1,2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo K từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 2 năm. Ngoài ra đại diện VKSND huyện Yên Mỹ còn có quan điểm về hình phạt bổ sung trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Mỹ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của người bị hại là anh Đỗ Ngọc P, vật chứng thu giữ được cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Khoảng 11 giờ 00 phút, ngày 01/4/2019, tại đồng Ải, thuộc thôn C, xã H, huyện Y, Lê Duy K đã có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô Dream, biển số 89 K3 – 0376, phía sau xe có gắn giá chở hàng bằng kim loại của anh Đỗ Ngọc P có tổng giá trị 15.180.000 đồng, thì phát hiện bắt quả tang.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của anh P là vi phạm pháp luật, nhưng do động cơ tư lợi bị cáo vẫn thực hiện. Tài sản bị cáo chiếm đoạt có trị giá 15.180.000đ, nên VKSND huyện Yên Mỹ truy tố bị cáo về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của bị cáo xâm hại đến quan hệ sở hữu tài sản được Luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an nên cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra là cần thiết.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cả, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có đơn xin cải tạo tại địa phương được chính quyền xã xác nhận nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i và s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

Sau khi cân nhắc tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội lần đầu và có

nơi trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, mà cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định một thời gian thử thách và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo.

[3] Về hình phạt bổ sung: xét thấy hiện bị cáo không có nghề nghiệp, hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Anh P đã nhận lại tài sản do bị cáo chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

- Chiếc xe mô tô hiệu Union, màu nâu, biển số 89F1 – 8058 K dùng để đi trộm cắp tài sản, 01 chùm chìa khóa gồm 03 chìa khóa và 01 cờ lê kim loại có trong xe máy, Cơ quan điều tra xác định chủ xe là ông Ngô Quang M, sinh năm 1974 ở xã T, huyện V, tuy nhiên vào năm 2003 ông M đã bán cho người khác đến nay không còn giấy tờ gì liên quan. Quá trình điều tra, K khai nhận đã mượn chiếc xe và các tài sản này của anh Chu Văn D sinh năm 1993, ở thôn D, xã V, huyện VG, tuy nhiên hiện nay anh D không có mặt ở địa phương do đó chưa làm rõ được nguồn gốc xe mô tô và các tài sản trên mặt khác qua tra cứu xe máy vật chứng của Công an tỉnh Hưng Yên chiếc xe máy này không phải là vật chứng nên Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục làm rõ xử lý sau.

- Tịch thu tiêu hủy 01 cờ lê kim loại và 01 đoạn kim loại hình chữ L bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nhưng giá trị nhỏ.

[6] Về án phí: Bị cáo Lê Duy K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo: Lê Duy K phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1,2 Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Duy K 9 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

Giao bị cáo K cho UBND xã T, huyện V, tỉnh H; nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự anh Đỗ Ngọc P không yêu cầu TAND huyện Yên Mỹ giải

quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

Tịch thu tiêu hủy 01 cờ lê kim loại và 01 đoạn kim loại hình chữ L

Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Yên Mỹ và Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mỹ lập ngày 26/6/2019

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Duy K phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Yên Mỹ;
- Chi cục THA dân sự huyện Yên Mỹ;
- Công an huyện Yên Mỹ;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã T, huyện V, tỉnh H;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Nhiên